

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý xây dựng Nghị quyết**

Ngày 15/3/2021 Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP), trong đó tại khoản 3 Điều 4 quy định:

*“Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:*

*a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này,*

*b) Đối tượng khó khăn khác chưa được quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.*

Căn cứ khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: *“Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.*

Căn cứ điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định: *“Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn: Quyết định*

*các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.*

Như vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan có thẩm quyền quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn phù hợp với đặc điểm cụ thể của địa phương.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Từ năm 2015 đến tháng 6/2021 thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ và các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 quy định thực hiện chế độ trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 26/3/2015 quy định mức trợ cấp chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 26/3/2015 quy định mức trợ cấp chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thời gian qua, chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách, giúp nhóm đối tượng yếu thế giảm bớt một phần khó khăn trong đời sống. Chế độ trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 07/8/2015; Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 26/3/2015; Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh không còn phù hợp với chế độ trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cần ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP phù hợp với tình hình thực tế.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác chưa hưởng chính sách tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; đồng thời làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, cơ sở trợ giúp xã hội triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh.

### **2. Quan điểm**

Nội dung Nghị quyết phải đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Nghiên cứu các văn bản pháp lý liên quan, gồm: Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tham khảo Nghị quyết của một số tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*cơ quan chủ trì soạn thảo*) đã thực hiện các bước như sau:

1. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố rà soát số lượng người yếu thế có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, chưa được hưởng chính sách trợ giúp xã hội của nhà nước.

2. Tổ chức xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên cơ sở các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

3. Gửi xin ý kiến tham gia góp ý của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh, Ban Đại diện Hội người cao tuổi tỉnh, Hội Nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin tỉnh, UBND các huyện, thành phố, Ban Đại diện Hội người cao tuổi các huyện, thành phố. Đăng tải hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử tỉnh

4. Đánh giá tác động chính sách quy định mức ăn tăng thêm các ngày Lễ, Tết; mức ăn tăng thêm những ngày bị ốm (theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị); mức mai táng phí đối với đối tượng bảo trợ xã hội đang nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

5. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh.

6. Tổng hợp, tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

7. Gửi Sở Tư pháp thẩm định.

8. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh xin ý kiến thành viên UBND tỉnh.

9. Tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của thành viên UBND tỉnh, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Bố cục của Nghị quyết gồm 8 điều**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội

Điều 3. Mức trợ giúp xã hội

Điều 4. Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội

Điều 5. Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác

Điều 6. Tiền ăn tăng thêm các ngày lễ, Tết; tiền ăn tăng thêm những ngày bị ốm phải điều trị tại cơ sở y tế đối với đối tượng đang chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 8. Tổ chức thực hiện

## 2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

## V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

\* Hồ sơ gửi kèm:

1. Bản thuyết minh xây dựng nghị quyết;
2. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh;
3. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
4. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;
5. Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị;
6. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;
7. Quyết định của UBND tỉnh thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.
8. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của thành viên UBND tỉnh và các sở, ngành góp ý đối với dự thảo hồ sơ Nghị quyết của HĐND tỉnh./.

### Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Như trên;
- Ban Văn hóa-Xã hội, HĐND tỉnh;

Gửi bản điện tử:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Hồng, Huyện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Bình**